

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Y D

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn M, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B N, xã T D, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang.(có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B N, xã T D, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang.(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/6/2022, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Dương Văn M trình bày:*** Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 11 năm 2008. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T D, huyện Y D. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh và gia đình anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh

phúc. Đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên hay bất đồng về quan điểm sống, hai bên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bản thân anh chị cũng như gia đình hai bên có hòa giải, dàn xếp nhưng không đạt kết quả. Do không dàn xếp được mâu thuẫn nên hai bên đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị L không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 03 con chung là cháu Dương Th L1, sinh ngày 27/10/2009; cháu Dương Th L2, sinh ngày 27/10/2009 và cháu Dương Thị Mai Th, sinh ngày 16/9/2011. Hiện cả 03 con chung vẫn đang ở cùng với chị L. Nay, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Dương Th L1 và Dương Th L2; đề nghị Tòa án giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Thị Mai Th. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/01 tháng, hoàn toàn đủ điều kiện nuôi dạy con tốt.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà 2 tầng diện tích khoảng 100m²/01 sào (02 sào 200m²), địa chỉ nhà tại thôn Trại Núi (nay là B N), xã T D, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang. Tổng giá trị tài sản khoảng 300.000.000 đồng. Anh đề nghị Tòa án chia đôi cho anh và chị L. Anh sẽ nhận hiện vật là nhà 02 tầng trên và trích trả cho chị L ½ giá trị nhà bằng tiền, cụ thể là 150.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết anh đã có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng. Việc rút yêu cầu này là do anh tự nguyện và không bị ai ép buộc.

Về công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị xác nhận về thời gian kết hôn, điều kiện, thủ tục kết hôn như anh M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh M và gia đình anh M ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà hắt hủi và không quan tâm đến vợ con. Chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh M nhiều lần, nhưng không đạt kết quả. Chị và anh M chính

thức ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh M nên anh M xin ly hôn chị, chị không đồng ý ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị xác nhận lời khai về con chung như anh M trình bày là đúng. Chị không đồng ý ly hôn anh M. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh M ly hôn thì chị cũng nhất trí với anh M, đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Dương Thị Mai Th; giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Th L1 và cháu Dương Th L2. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/01 tháng, hoàn toàn đủ điều kiện nuôi dạy con tốt.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh M có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 nhà 2 tầng diện tích khoảng 100m²/01 sào (02 sào 200m²), địa chỉ nhà tại thôn Trại Núi (nay là B N), xã T D, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh đã có đơn xin rút yêu cầu này, chị không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Dương Văn M trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, anh đề nghị được ly hôn chị L. Tại phiên tòa anh thay đổi về phần nuôi con chung. Nay, anh đồng ý để cho chị L nuôi cả 03 con chung là cháu Dương Th L1, cháu Dương Th L2 và cháu Dương Thị Mai Th. Anh sẽ cấp dưỡng cho chị L để nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ 01 con/01 tháng. Tổng 03 con chung là 6.000.000 đồng/03 con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

Về tài sản chung của vợ chồng anh đã có đơn xin rút yêu cầu này rồi, nay anh đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

Chị Nguyễn Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì chị không đồng ý ly hôn anh M. Tuy nhiên, về nuôi con chung chị đồng ý với ý kiến của anh M, chị đồng ý nuôi cả 03 con chung là cháu Dương Th L1, cháu Dương Th L2 và cháu Dương Thị Mai Th. Anh M sẽ cấp dưỡng cho chị để nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ 01 con/01 tháng. Tổng 03 con chung là 6.000.000 đồng/03

con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53,56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28,35, 39; 271, 273, 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội BLTTDS Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

-Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Dương Th L1, cháu Dương Th L2 và cháu Dương Thị Mai Th cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L là 6.000.000 đồng/ 03 con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

-Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Dương Văn M đối với chị Nguyễn Thị L.

-Về án phí: Anh Dương Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh M đã nộp đủ.

Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trả lại anh M 3.750.000 đồng án phí chia tài sản.

-Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Dương Văn M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh chị Nguyễn Thị L, chị L có hộ khẩu thường trú tại thôn B N, xã T D, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y D, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về nội dung:

[2.1] .Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn M và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T D, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/12/2008. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh M chị L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh M, Hội đồng xét xử thấy: Anh M xin ly hôn chị L, chị L không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên qua lời trình bày của chị L thì bản thân chị L cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác về hắt hủi và không quan tâm đến vợ con. Chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh M nhiều lần, nhưng không đạt kết quả. Chị cũng xác nhận chị và anh M đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối năm 2021 đến nay.

Đồng thời qua xác minh tại địa phương thì thấy: Anh M chị L kết hôn năm 2008, kết hôn xong chị L về chung sống cùng anh M và gia đình anh M được một thời gian thì hai vợ chồng ra ở riêng. Có vài năm anh M đi nước ngoài lao động, khi về nước đến năm 2021 thì vợ chồng anh M chị L xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, về nhà không còn quan tâm đến chị L. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Anh M xin ly hôn chị L, địa phương đề nghị Tòa án Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa anh M và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của anh M xin ly hôn chị L là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh M được ly hôn chị L.

[2.2]. Về con chung: Anh M chị L có 03 con chung là cháu Dương Th L1, sinh ngày 27/10/2009; cháu Dương Th L2, sinh ngày 27/10/2009 và cháu Dương Thị Mai Th, sinh ngày 16/9/2011. Hiện cả ba con chung vẫn đang ở cùng chị L. Nay ly hôn, anh M chị L thỏa thuận để chị L nuôi cả 03 con chung là cháu Dương Th L1, cháu Dương Th L2 và cháu Dương Thị Mai Th. Anh M sẽ cấp dưỡng cho chị L để nuôi 03 con chung là 6.000.000 đồng/03 con/01

tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022. Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh M chị L. Căn cứ vào điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Dương Th L1, cháu Dương Th L2 và cháu Dương Thị Mai Th. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L để nuôi 03 con chung là 6.000.000 đồng/03 con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

Sau khi ly hôn, Anh M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp:

Anh M có đơn đề nghị được rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh M chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Dương Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Dương Văn M phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Dương Văn M rút đơn khởi kiện về phần tài sản chung của vợ chồng nên anh M được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo quy định tại khoản 3 điều 218 BLTTDS và khoản 3 điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 3 điều 218; Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 điều 18, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Dương Th L1, sinh ngày 27/10/2009; cháu Dương Th L2, sinh ngày 27/10/2009 và cháu Dương Thị Mai Th, sinh ngày 16/9/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Dương Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L là 6.000.000 đồng/03 con chung/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

3. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Dương Văn M đối với chị Nguyễn Thị L.

4. Về án phí:

Anh Dương Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu thu số 0009582 ngày 24/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y D. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Dương Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

Trả lại Anh Dương Văn M số tiền 3.750.000 đồng, anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu thu số 0009638 ngày 28/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Văn Định

Nguyễn Thị Nhàn

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y D;
- UBND xã T D;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh